

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/DS - PT

Ngày: 04/5/2021

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2021/QĐ – PT ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968;

2. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1966;

3. Chị Huỳnh Thị Thủy T, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*- Người đại diện hợp pháp của bà P:* Ông Huỳnh Văn N. (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019)

*- Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964;
2. Ông Võ Văn R, sinh năm 1966;
3. Anh Võ Vũ H1, sinh năm 1985;
4. Chị Võ Thị Yến N1, sinh năm 1989;
5. Chị Võ Thị Yến P1, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của ông R, anh H1:* Bà Huỳnh Thị H. (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2020)

Tại phiên tòa ông N, chị T, bà H, chị N1, chị P1 có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Huỳnh Thị H, Võ Thị Yến N1, Võ Thị Yến P1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Ông Huỳnh Văn N, Bà Nguyễn Thị P, Chị Huỳnh Thị Thủy T cùng trình bày:*

Gia đình ông N có phần đất thổ cư diện tích 115 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 2B tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/4/1998 cho hộ Huỳnh Văn N (theo đo đạc chính quy là thửa 47, tờ bản đồ số 26, diện tích 124,4 m<sup>2</sup>). Ông N đã sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay.

Giáp ranh với phần đất của ông là thửa số 5, tờ bản đồ số 2B do Ông Võ Văn R đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên đã thống nhất sử dụng ranh xây bằng gạch kiên cố trên 15 năm. Hộ ông R đập ranh lấn sang phần đất của ông với chiều ngang 0,3m dài 12m (tổng cộng 3,6m<sup>2</sup>) xây vách tường. Nay yêu cầu hộ ông R trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế gồm thửa 47B (diện tích 1,1 m<sup>2</sup>), thửa 47C (diện tích 4,3 m<sup>2</sup>) có tổng diện tích là 5,4 m<sup>2</sup>. Phần đất ông lấn chiếm hộ ông R thuộc ký hiệu thửa 46B (diện tích 1,9 m<sup>2</sup>) đồng ý trả lại không tranh chấp. Yêu cầu hộ ông R gồm: Ông Võ Văn R, Bà Huỳnh Thị H, Võ Vũ H, Võ Thị Yến N1 và Võ Thị Yến P1 trả lại diện tích lấn chiếm là 5,4 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, phần tường xây dựng lấn chiếm phải tự di dời.

Về kết quả định giá, xem xét thẩm định tại chỗ đồng ý không có ý kiến hay khiếu nại.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn Bà Huỳnh Thị H và chị Võ Thị Yến N1 cùng trình bày:*

Phần đất của ông N khi mua của ông T2 là 3,4m ngang, khi ông N xây nhà trên thì 02 bên có thỏa thuận bức tường bằng gạch làm vách giữa 02 nhà được xây ở giữa

ranh nên bức tường này là tường chung có chiều dài 12 m tính từ điểm 1 xuống, chi phí xây dựng do 02 gia đình chia đôi. Năm 1995 và năm 2011, gia đình bà H sửa chữa phần nhà trên, tô xi măng và sơn nước bức tường bên phần nhà bà đến nay các bên không tranh chấp. Đến khi ông N xây nhà sau thì lấn qua đất bà 01 cục gạch, dài 9,1 m, theo thỏa thuận ông N chịu toàn bộ chi phí xây dựng bức tường và 02 bên xài chung coi như tường ranh. Sau đó, bà H có xây tiếp hàng rào thì còn chừa lại 05cm, dài 12m. Do đó, hai bức tường chung (12m và 9,1m) không xảy ra tranh chấp khi chỉ ranh đo đạc VLAP. Nay, gia đình ông N yêu cầu trả thừa ký hiệu 47B bà H không đồng ý. Từ điểm 4 đến điểm 6 bà xây dựng tường rào trong phần đất của bà 0,2m, dài 4,4m và từ điểm 6 đến điểm 9 trước đây bà có xây tạm hàng rào bằng gạch dày 10cm, cao khoảng 01m bên phần đất của bà để chặn nước xả từ bên nhà ông N qua, khi xây không có thỏa thuận và ông N cũng không có ý kiến. Sau đó, ông N xây dựng chuồng heo và lợp mái che đến hàng rào bà xây dựng. Do lúc đó bà chưa có nhu cầu sử dụng nên vẫn để ông N mái che tạm. Tiếp theo, ông N sửa chữa chuồng heo thành nhà, đổ cột bê tông cốt thép, mái tole và sử dụng đến hàng rào bà đã xây dựng, phần này ông N lấn chiếm đất bà nên không đồng ý trả lại. Nay, yêu cầu công nhận thửa đất ký hiệu 47B (diện tích 1,1 m<sup>2</sup>), 47C (diện tích 4,3 m<sup>2</sup>), 46B (diện tích 1,9 m<sup>2</sup>) là của gia đình bà. Phần ông N xây dựng trên phần đất nêu trên phải tự tháo dỡ, di dời.

*Sau khi hòa giải không T2, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị P và Chị Huỳnh Thị Thủy T; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị H.

Cụ thể:

Buộc hộ Bà Huỳnh Thị H gồm Ông Võ Văn R, Bà Huỳnh Thị H, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị Yến N1 và chị Võ Thị Yến P1 có trách nhiệm liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp có ký hiệu 47B, diện tích 1,1 m<sup>2</sup> với số tiền 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); trả lại phần đất ký hiệu thửa 47C có diện tích 4,6 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre cho hộ gia đình Ông Huỳnh Văn N.

Hộ gia đình Bà Huỳnh Thị H được quyền sử dụng phần đất ký hiệu thửa 47B diện tích 1,1 m<sup>2</sup>, thửa 46B diện tích 1,9 m<sup>2</sup>, thửa 46A diện tích 383,6 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hộ gia đình Ông Huỳnh Văn N được quyền sử dụng phần đất ký hiệu 47A diện tích 119,0 m<sup>2</sup>, thửa 47C diện tích 4,3 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đương sự căn cứ nội dung quyết định của bản án để liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 46, 47;
- Đông giáp phần còn lại thửa 47;
- Tây giáp phần còn lại thửa 46;
- Nam giáp thửa 71 của ông Lữ Thành H2.

*(Có họa đồ kèm theo)*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2020, bị đơn Bà Huỳnh Thị H, chị Võ Thị Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1 cùng kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông N thống nhất phần đất thuộc thửa 47B diện tích 1,1 m<sup>2</sup> là bức tường nhà cũ của hai bên không ai tranh chấp. Thửa 47C-2, diện tích 3,7 m<sup>2</sup> là phần sân nhà ông N đang quản lý sử dụng. Thửa 46B bà H đang quản lý sử dụng, ông N đồng ý và cũng không tranh chấp. Ông N cho rằng phần tranh chấp là bức tường nhà của bà H, nằm trong thửa 47C. Bà H có yêu cầu đo đạc lại để định vị bức tường nhà, nếu bức tường nhà có lấn qua thửa 47 thì bà H đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông N. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc, định giá lại theo yêu cầu của các bên đương sự, ông N và bà H thống nhất sử dụng hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 18/5/2020 và 16/4/2021 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo đó, ông N xác định chỉ tranh chấp với hộ bà H phần đất thuộc thửa 47C-1, ông rút yêu cầu đối với phần 47B và 47C-2 theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 18/5/2020 và 16/4/2021. ông N yêu cầu hộ bà H trả giá trị quyền sử dụng đất đã lấn chiếm. bà H đồng ý phần ông N rút yêu cầu, tuy nhiên bà cho rằng phần bức tường nhà bà nằm trong thửa 46B, bức tường nằm tại vị trí số 10 thay vì số 11 như bản vẽ nên bà không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông N.

Chị T thống nhất với ý kiến của ông N.

Chị P1, chị N1 thống nhất với ý kiến của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị chấp nhận phần rút yêu cầu của ông N và đình chỉ giải quyết tại thửa 47B, 47C-2. Chấp

nhận một phần kháng cáo của bà H, chị N1, chị P1, sửa bản án sơ thẩm, buộc hộ bà H trả cho hộ ông N giá trị quyền sử dụng đất phần đất lấn ranh tại thửa 47C-1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: ông N, chị T rút yêu cầu đối với phần đất thuộc thửa 47B và 47C-2; bà H, chị N1, chị P1 đồng ý nên đình chỉ xét xử đối với phần này. Ghi nhận việc ông N tự nguyện tháo dỡ di dời các công trình trên đất, trả cho bà H phần đất thuộc thửa 46B, diện tích 1,9 m<sup>2</sup>.

[2] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Ông Huỳnh Văn N là chủ sử dụng thửa đất số 47, tờ bản đồ số 26 (thửa cũ là thửa số 10, tờ bản đồ số 2B), tọa lạc tại xã A, huyện M do ông N nhận chuyển nhượng từ ông Nễn Trung T2 năm 1993 và sử dụng ổn định cho đến nay. Giáp ranh thửa 47 là thửa 46, tờ bản đồ số 26 (thửa cũ là thửa số 5, tờ bản đồ số 2B) của hộ Bà Huỳnh Thị H có nguồn gốc là cha mẹ để lại cho bà H. Theo các bên đương sự trình bày, ranh giới giữa 2 thửa đất có xây một bức tường, tuy nhiên bức tường này đã đập bỏ và xây mới. Từ đó, ông N cho rằng bà H xây tường mới lấn sang đất của ông N nên yêu cầu bà H đập bỏ tường nhà, trả lại đất lấn chiếm cho ông N, bà H không đồng ý.

[3] Về đăng ký kê khai và cấp quyền sử dụng đất: Theo quy trình cấp quyền sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện M cung cấp thể hiện: Năm 1998, hộ Ông Huỳnh Văn N được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 10, tờ bản đồ số 2B, diện tích 115 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Cùng thời điểm đó, Ông Võ Văn R (chồng Bà Huỳnh Thị H) cũng đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 5, tờ bản đồ số 2B, diện tích 397 m<sup>2</sup>. Ngày 15/10/2012, tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất theo đo đạc vlap Ông Võ Văn R có ký hiệp thương ranh với ông N và kết quả đo đạc địa chính thửa 47 (thửa cũ là thửa số 10) diện tích 124,4 m<sup>2</sup>; thửa 46 (thửa cũ là thửa số 5) diện tích 385,5 m<sup>2</sup>. Các bên đương sự chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 18/5/2020 và ngày 16/4/2021 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện M cung cấp để phục vụ công tác xét xử thì Ông Huỳnh Văn N xác định điểm ranh tại các điểm 1,3,6,7; Bà Huỳnh Thị H xác định điểm ranh tại các điểm 1,4,9. bà H cho rằng bức tường nhà bà tại vị trí số 10, không phải vị trí số 11, do đo đạc đo sai, thực tế bà không có lấn ranh. Nếu bà H có lấn, thì bà H đồng ý trả giá trị. Năm 2012, đo đạc vlap có ông R (chồng bà H) ký hiệp thương ranh với ông N. Tại thời điểm tranh chấp tại tòa, bà H cũng chứng kiến việc đo đạc nên bà cho rằng đo đạc đo sai mà không cung cấp được chứng cứ nên không chấp nhận. ông N đồng ý cho hộ bà H trả giá trị phần đất lấn ranh nên từ đó xác định đường

nổi các điểm 1, 2, 3, 11, 10, 8 là ranh giữa thửa 46, 47. Trên đường ranh này có phần tường nhà của bà H nằm trên thửa 47, diện tích 0,6 m<sup>2</sup>, theo biên bản định giá ngày 06/4/2021, giá đất tranh chấp là 15.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Vậy, 0,6 m<sup>2</sup> x 15.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 9.000.000 đồng nên buộc hộ bà H trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông N là 9.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần thiết chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, chị N1, chị P1, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Chi phí tố tụng: Tổng cộng 9.342.000 đồng, buộc hộ bà H phải chịu toàn bộ. ông N đã nộp tạm ứng 6.286.000 đồng, bà H nộp tạm ứng 3.056.000 đồng, nên buộc hộ bà H phải hoàn trả cho ông N số tiền 6.286.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Hộ bà H phải chịu 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H, chị N1, chị P1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Huỳnh Thị H, chị Võ Thị Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS – ST ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 265 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn N, Bà Nguyễn Thị P, Chị Huỳnh Thị Thủy T với Bà Huỳnh Thị H, Ông Võ Văn R, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 47B, diện tích 1,1 m<sup>2</sup> và 47C-2, diện tích 3,7 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn N, Bà Nguyễn Thị P, Chị Huỳnh Thị Thủy T với Bà Huỳnh Thị H, Ông Võ Văn R, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị

Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 47C-1, diện tích 0,6 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Buộc hộ Ông Võ Văn R gồm: Bà Huỳnh Thị H, Ông Võ Văn R, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1 liên đới trả cho Ông Huỳnh Văn N, Bà Nguyễn Thị P, Chị Huỳnh Thị Thủy T giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích 0,6 m<sup>2</sup> thuộc thửa 47C-1 tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hộ Ông Võ Văn R được quyền sử dụng phần đất diện tích 0,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 47C-1 tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*(Có họa đồ hiện trạng ngày 18/5/2020 và 16/4/2021 kèm theo)*

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 5, tờ bản đồ số 2B (theo đo đạc vlap là thửa 46, tờ bản đồ số 26), tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre của hộ Ông Võ Văn R và thửa số 10, tờ bản đồ số 2B (theo đo đạc vlap là thửa 47, tờ bản đồ số 26), tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre của hộ Ông Huỳnh Văn N cho phù hợp với nội dung án tuyên.

4. Chi phí tố tụng: Tổng cộng 9.342.000 đồng, buộc hộ bà H phải chịu toàn bộ. ông N đã nộp tạm ứng 6.286.000 đồng, bà H nộp tạm ứng 3.056.000 đồng, nên buộc hộ bà H gồm: Bà Huỳnh Thị H, Ông Võ Văn R, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị Yến N1, Chị Võ Thị Yến P1 phải liên đới hoàn trả cho ông N số tiền 6.286.000 đồng (sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Ông Võ Văn R, Bà Huỳnh Thị H, Anh Võ Vũ H1, chị Võ Thị Yến N1 và chị Võ Thị Yến P1 phải liên đới chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001016 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho Ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị P và Chị Huỳnh Thị Thủy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008158 ngày 27/12/2019 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001004 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H, Chị Võ Thị Yến P1, chị Võ Thị Yến N1 không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho Bà Huỳnh Thị H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005706 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho Chị Võ Thị Yến P1 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005704 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho chị Võ Thị Yến N1 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005705 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Thanh Thúy**